

Số: /QĐ-SATTP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC CHỈ ĐỊNH CƠ SỞ KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM
PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

GIÁM ĐỐC SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm tại Tờ trình số 404/TTr-QLTC&KN ngày 22 tháng 04 năm 2026 Về việc ban hành Quyết định về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cho Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng (Lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng, địa chỉ: Lô E2b-3, Đường D6, Khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh được chỉ định kiểm nghiệm thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có tên trong danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

- Mã số cơ sở kiểm nghiệm: 05/2026/SATTP-KNTP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Công Thương;
- Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Công Thương;
- Lưu: VT, QLTC&KN

GIÁM ĐỐC

Phạm Khánh Phong Lan

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm số/ QĐ-SATTP
ngày..... tháng.....năm 2026 của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh)

T T	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ phạm vi đo
I. Lĩnh vực hóa học				
1	Xác định hàm lượng tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Nước uống đóng chai	SMEWW 2540C:2023	LOD = 4 mg/L LOQ = 12 mg/L
2	Xác định hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) Phương pháp UV-VIS	Nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên	EPA 350.02	LOD = 0,02 mg/L LOQ = 0,06 mg/L
3	Xác định pH	Nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên	TCVN 6492:2011	2-12
4	Xác định chỉ số Permanganat	Nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên	TCVN 6186:1996 ISO 8467:1993	LOD = 0,2 mg O ₂ /L LOQ = 0,6 mg O ₂ /L
5	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd), Chì (Pb), Arsen (As), Thủy ngân (Hg), Crom (Cr), Niken (Ni), Đồng (Cu), Mangan (Mn), Natri (Na), Sắt (Fe), Kẽm (Zn), Antimo (Sb), Bari (Ba), Nhôm (Al), Selen (Se), Boron (B). Phương pháp ICP-MS	Nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên	SMEWW 3125B:2023 SMEWW 3030E:2023	LOD: Cd, Hg: 0,0001 mg/L Pb, As, Cr, Ni: 0,001 mg/L Cu, Ba: 0,003 mg/L Mn, Zn: 0,01 mg/L Na: 0,3 mg/L Fe, Al: 0,020 mg/L Sb, Se: 0,0003 mg/L B: 0,002 mg/L LOQ: Cd, Hg: 0,0003 mg/L Pb, As, Cr, Ni: 0,003 mg/L Cu, Ba: 0,01 mg/L Mn, Zn: 0,04 mg/L Na: 0,9 mg/L Fe: 0,06 mg/L Al: 0,07 mg/L Sb, Se: 0,001 mg/L B: 0,006 mg/L

T T	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)/ phạm vi đo
II. Lĩnh vực vi sinh				
1	Phát hiện và đếm vi khuẩn <i>Coliforms</i> và <i>Escherichia coli</i> – Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	1 CFU/250 ml 1 CFU/250 g

Ghi chú: Phạm vi chỉ định áp dụng đối với các sản phẩm/ nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.